https://doi.org/10.66270/vap26.v14.n4.9

PUBLIC PERCEPTIONS OF NORMS IN MARITAL RELATIONSHIPS IN CONTEMPORARY SOCIETY

Ha Thi Minh Khuong
Institute for Human, Family and Gender Studies
Nguyen Ha Dong
Institute for Human, Family and Gender Studies

Received: June 27, 2026
Accepted: July 20, 2026

Abstract: *This study examined public perceptions of norms in marital relationships among 1,823 residents in six provinces and cities in Vietnam prior to administrative consolidation and reorganization. The results showed that norms of fidelity, mutual devotion, harmony, and equality in marital relationships were rated very highly, reflecting broad public consensus regarding the core values of marriage. Although these norms were widely shared, some differences were observed across social groups. The coexistence of traditional and modern conceptions of marital norms reflects the transformation and adaptation of marital value systems in contemporary society and illustrates the intersection of traditional and modern marital values in public perceptions.*

Keywords: *Perceptions; Norms; Marital relationships; Contemporary society.*

QUAN NIỆM CỦA NGƯỜI DÂN VỀ CHUẨN MỰC QUAN HỆ VỢ CHỒNG TRONG XÃ HỘI ĐƯƠNG ĐẠI

Hà Thị Minh Khương
Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.
Nguyễn Hà Đông
Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.

Ngày nhận bài: 27/6/2026
Ngày duyệt đăng bài: 20/7/2026

Tóm tắt: *Nghiên cứu quan niệm của người dân về chuẩn mực quan hệ vợ chồng được thực hiện trên 1.823 người dân tại 6 tỉnh/thành ở Việt Nam trước khi sắp xếp sáp nhập. Kết quả nghiên cứu cho thấy các chuẩn mực về chung thủy, nghĩa tình, hòa thuận và bình đẳng trong quan hệ vợ chồng được người dân đánh giá rất cao. Điều này phản ánh sự đồng thuận rộng rãi của người dân đối với những giá trị cốt lõi của quan hệ vợ chồng. Dù phần lớn mọi người cùng chia sẻ các chuẩn mực này, nhưng cũng có một số khác biệt giữa các nhóm xã hội khác nhau. Sự tồn tại đồng thời của các quan niệm về chuẩn mực hôn nhân truyền thống và hiện đại phản ánh quá trình chuyển đổi và thích ứng của hệ giá trị hôn nhân trong bối cảnh xã hội đương đại, đồng thời thể hiện sự giao thoa giữa các giá trị hôn nhân truyền thống và hiện đại trong nhận thức của người dân.*

Từ khóa: *Quan niệm; Chuẩn mực; Quan hệ vợ chồng; Xã hội đương đại.*

1. Giới thiệu

Ở Việt Nam, hôn nhân vẫn là một giá trị quan trọng (Nguyễn Hữu Minh, 2021; Nguyễn Thị Thanh Thủy, Đinh Thị Nguyệt, 2021). Các chuẩn mực trong quan hệ vợ và chồng được định hình bởi những điều kiện văn hóa - xã hội nhất định và có sự điều chỉnh theo thời gian. Dù nội dung và mức độ nhấn mạnh có thể khác nhau nhưng các chuẩn mực này thường hướng đến việc duy trì những giá trị cốt lõi của một cuộc hôn nhân đó là sự thủy chung, tình yêu thương, sự tôn trọng, bình đẳng và cùng nhau gánh vác trách nhiệm gia đình.

Quan niệm của người dân về chuẩn mực quan hệ vợ chồng phản ánh nhận thức, đánh giá và cách nhìn của họ đối với các giá trị, nguyên tắc và quy tắc được xem là phù hợp, cần thiết trong đời sống hôn nhân hiện nay. Trong bối cảnh xã hội Việt Nam có nhiều biến đổi về kinh tế, văn hóa và đời sống hôn nhân - gia đình, các chuẩn mực quan hệ vợ chồng cũng có sự thay đổi về

nhận thức và thực hành. Mặc dù vẫn giữ vai trò định hướng thái độ, hành vi và cách ứng xử giữa vợ và chồng theo các giá trị văn hóa và quy định pháp luật Việt Nam, quan niệm về những chuẩn mực này có thể khác nhau giữa các nhóm xã hội. Vì vậy, việc nghiên cứu quan niệm của người dân về chuẩn mực quan hệ vợ chồng và sự khác biệt giữa các nhóm xã hội là vấn đề có ý nghĩa.

Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng hôn nhân và gia đình ở Việt Nam đang trải qua quá trình chuyển đổi từ mô hình gia đình truyền thống sang mô hình gia đình hiện đại. Dưới tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa, hội nhập quốc tế và thực hiện bình đẳng giới, hôn nhân đã có nhiều thay đổi đáng kể. Mô hình gia đình truyền thống chuyển dịch theo hướng dân chủ hơn, đề cao sự bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau và sự chia sẻ trách nhiệm giữa vợ và chồng (Nguyễn Hữu Minh, 2021). Gia đình Việt Nam đang thích ứng với sự thay đổi của xã hội hiện đại, ủng hộ bình đẳng giới trong quan hệ vợ chồng (Trần Thị Minh Thi, 2020). Nhiều khía cạnh trong mối quan hệ vợ chồng đã có sự thay đổi đáng kể. Nếu trước đây quan hệ vợ chồng chủ yếu dựa trên sự phân công vai trò theo giới và các chuẩn mực truyền thống, thì ngày nay các giá trị như bình đẳng giới, tôn trọng cá nhân, tự do lựa chọn và chia sẻ trách nhiệm ngày càng được đề cao trong đời sống hôn nhân (Bùi Thị Hồng, 2018; Nguyễn Hữu Minh, 2020). Vì thế, quan niệm về chuẩn mực quan hệ vợ chồng cũng có sự biến đổi phù hợp với những giá trị, chuẩn mực chung của xã hội hiện tại.

Quan niệm về chuẩn mực hôn nhân có sự thay đổi, sự chung thủy dù vẫn được coi là chuẩn mực quan trọng trong xã hội hiện đại nhưng nội hàm của khái niệm chung thủy cũng có sự biến đổi theo thời gian theo hướng đề cao sự chung thủy từ cả hai phía vợ chồng (Trần Thị Vân Nương, 2014). Nghiên cứu của Nguyễn Thị Quỳnh Hoa (2022) cho thấy những chuẩn mực, giá trị trong quan hệ vợ chồng được thanh niên đề cao đó là: sự hòa thuận (80,8%), bình đẳng (61,5%), tình nghĩa, thuỷ chung (59,7%) và quan tâm chia sẻ (56,7%) (Phạm Thị Quỳnh Hoa, 2022). Nghiên cứu của Trần Thị Hồng, Phạm Thị Thanh Hương (2022) về quan niệm của phụ nữ về các chuẩn mực giá trị liên quan đến quan hệ vợ chồng như chung thủy, bình đẳng và chia sẻ trách nhiệm đều nhận được sự đồng ý của tuyệt đại đa số phụ nữ, như: "Vợ chồng luôn luôn chung thủy"; "Vợ chồng tạo điều kiện cho nhau trong phát triển công việc" và "Vợ chồng cùng thảo luận và quyết định các công việc trong gia đình" với tỷ lệ đồng ý đều trên 91% (Trần Thị Hồng, Phạm Thị Thanh Hương, 2022). Có thể nói, đây là các chuẩn mực quan trọng giúp duy trì hôn nhân bền vững và hạnh phúc được nhiều người dân ủng hộ. Đặc biệt, trong xã hội hiện đại, quan niệm đề cao chuẩn mực "bình đẳng" trong quan hệ vợ chồng được cho có liên quan chặt chẽ với hạnh phúc gia đình. Nghiên cứu của Trần Thị Anh Thư (2010) về quan niệm và thái độ của vợ chồng trẻ về bình đẳng giới trong gia đình đã chỉ ra rằng bình đẳng giới và hạnh phúc gia đình có mối quan hệ mật thiết với nhau, đều xuất phát từ ý thức tự giác đảm đương và chia sẻ với nhau các trách nhiệm trong hôn nhân của người vợ và người chồng.

Từ các nghiên cứu trên cho thấy các chuẩn mực về quan hệ vợ chồng như chung thủy, nghĩa tình, hòa thuận và bình đẳng đều là giá trị nền tảng bảo đảm sự ổn định và bền vững của hôn nhân và đều nhận được sự ủng hộ cao của người dân. Tuy nhiên, trong bối cảnh xã hội đang trải qua những biến đổi sâu sắc về kinh tế, văn hóa, xã hội, cách nhìn nhận của người dân về các chuẩn mực này có thể đã và đang thay đổi theo hướng đa dạng hơn. Các nghiên cứu hiện có chủ yếu tập trung phân tích sự biến đổi của hôn nhân và gia đình qua các khía cạnh như phân công lao động, vai trò giới hay hành vi ứng xử giữa vợ và chồng, bạo lực giữa vợ và chồng, v.v. trong khi các bằng chứng thực nghiệm về quan niệm của người dân hiện nay đối với những chuẩn mực, giá trị cốt lõi trong quan hệ vợ chồng trên phạm vi rộng vẫn còn khá hạn chế. Từ khoảng trống nghiên cứu đó, bài viết tập trung tìm hiểu quan niệm của người dân về chuẩn mực quan hệ vợ chồng và mức độ đồng thuận giữa các nhóm xã hội, qua đó xác định những chuẩn mực góp phần duy trì sự gắn kết bền vững hôn nhân trong bối cảnh xã hội đương đại.

2. Cơ sở lý luận

Chuẩn mực là những kỳ vọng về hành vi được các thành viên trong xã hội cùng chia sẻ, bao gồm những điều được xem là đáng mong muốn và phù hợp về mặt văn hóa (Marshall, 1998). Trong quan hệ vợ chồng, chuẩn mực được hiểu là hệ thống các giá trị, quy tắc và kỳ vọng chung về cách thức vợ chồng ứng xử, thực hiện vai trò, trách nhiệm và nghĩa vụ đối với nhau trong đời sống hôn nhân.

Về mặt lý thuyết, hôn nhân là một thể chế xã hội đánh dấu sự cam kết sống chung giữa hai người trưởng thành khác giới dựa trên nhu cầu gắn bó tình cảm và ham muốn tính dục. Thể chế này được cộng đồng xã hội thừa nhận qua nghi thức lễ cưới và được luật pháp bảo vệ nhờ thủ tục làm đăng ký kết hôn (Nguyễn Hồng Mai, 2019). Chuẩn mực về quan hệ vợ chồng được hình thành dưới sự tác động đồng thời của các giá trị văn hóa truyền thống và hệ thống pháp luật hiện hành. Trên phương diện văn hóa, quan hệ vợ chồng dựa trên cơ sở các chuẩn mực/giá trị như thủy chung, yêu thương, nghĩa tình, hòa thuận, trách nhiệm, tôn trọng. Những giá trị này tiếp tục được kế thừa và điều chỉnh trong bối cảnh xã hội hiện đại. Tuy nhiên, trong bối cảnh xã hội Việt Nam truyền thống, quan hệ vợ chồng chịu ảnh hưởng sâu sắc của hệ giá trị Nho giáo với quan niệm "nam trụ cột, nữ nội trợ" được xem là chuẩn mực phổ biến. Theo đó, người chồng thường được kỳ vọng đảm nhận vai trò lao động chính, trụ cột kinh tế, tham gia hoạt động xã hội và có quyền quyết định những công việc quan trọng; trong khi người vợ gắn với trách nhiệm chăm sóc gia đình, nuôi dạy con cái và thực hiện các công việc nội trợ. Mô hình này đã duy trì trật tự gia đình trong xã hội truyền thống trong thời gian dài và nó vẫn còn tiếp tục tồn tại cho tới ngày nay. Trên phương diện luật pháp, quan hệ giữa vợ và chồng được quy định tại Chương III của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Điều 17 "Bình đẳng về quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng" quy định: "Vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình,..."; hoặc tại khoản 1 Điều 19 "Tình nghĩa vợ chồng" quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình" (Quốc hội, 2014). Quy định này không chỉ phản ánh các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp trong quan hệ vợ chồng mà còn thể hiện quan điểm tiến bộ về hôn nhân, trong đó nhấn mạnh sự bình đẳng, chia sẻ trách nhiệm và tôn trọng lẫn nhau giữa vợ và chồng.

Quan niệm của người dân về chuẩn mực quan hệ vợ chồng phản ánh nhận thức, đánh giá và cách nhìn của họ đối với các giá trị, nguyên tắc và quy tắc được xem là phù hợp, cần thiết trong đời sống hôn nhân hiện nay. Trong bối cảnh xã hội Việt Nam có nhiều biến đổi về kinh tế, văn hóa và đời sống hôn nhân - gia đình, các chuẩn mực quan hệ vợ chồng cũng có sự thay đổi về nhận thức và thực hành. Mặc dù vẫn giữ vai trò định hướng thái độ, hành vi và cách ứng xử giữa vợ và chồng theo các giá trị văn hóa và quy định pháp luật Việt Nam, quan niệm về những chuẩn mực này có thể khác nhau giữa các nhóm xã hội. Vì vậy, việc nghiên cứu quan niệm của người dân về chuẩn mực quan hệ vợ chồng và sự khác biệt giữa các nhóm xã hội là vấn đề có ý nghĩa.

Trong nghiên cứu này, chuẩn mực về quan hệ vợ chồng được hiểu là các quy tắc, giá trị và kỳ vọng xã hội được cộng đồng thừa nhận nhằm định hướng thái độ, hành vi ứng xử cũng như thực hiện vai trò, nghĩa vụ và trách nhiệm của vợ và chồng đối với nhau trong đời sống hôn nhân. Khái niệm xã hội đương đại được hiểu là giai đoạn xã hội hiện nay, đặc trưng bởi những biến đổi mạnh mẽ về kinh tế, văn hóa và xã hội dưới tác động của quá trình hiện đại hóa, đô thị hóa, toàn cầu hóa và chuyển đổi số. Những biến đổi này làm thay đổi cấu trúc gia đình, vai trò giới, các mối quan hệ xã hội cũng như hệ giá trị hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan niệm của người dân về chuẩn mực quan hệ vợ chồng trong xã hội đương đại không chỉ phản ánh sự kế thừa các giá trị truyền thống mà còn chịu ảnh hưởng của các giá trị và chuẩn mực mới phù hợp với bối cảnh phát triển của xã hội.

3. Mẫu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Mẫu nghiên cứu

Bài viết sử dụng số liệu của đề tài cấp Bộ trọng điểm "Lý luận và thực tiễn xây dựng chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới" thuộc Chương trình trọng điểm cấp Bộ: "Xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn

mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam" của Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Đề tài do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới chủ trì thực hiện từ tháng 6/2023 đến tháng 12/2024.

Đề tài sử dụng phương pháp nghiên cứu kết hợp giữa khảo sát định lượng và thu thập thông tin định tính và được tiến hành khảo sát tại 6 tỉnh/thành phố (trước khi sáp nhập đơn vị hành chính 2025) là Cao Bằng, Thái Bình, Nghệ An, Đắk Lắk, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ. Đây là sáu tỉnh/thành đại diện cho sáu vùng với những đặc trưng về vị trí địa lý, lịch sử phát triển, về văn hóa, con người và đa dạng thành phần dân tộc. Với tổng số mẫu khảo sát định lượng là 1.826 người.

Mẫu phân tích của nghiên cứu này là 1.823 người. Ba nội dung có mẫu phân tích nhỏ hơn do thiếu dữ liệu, cụ thể ở nội dung "Vợ chồng nên trân trọng tình cảm và đóng góp của nhau" mẫu phân tích là 1.822 trường hợp; hai nội dung "Vợ chồng nên tạo dựng bầu không khí hòa thuận trong gia đình" và "Vợ chồng nên cùng bàn bạc mọi công việc trong gia đình" mẫu phân tích là 1.818 trường hợp. Riêng yếu tố việc làm, mẫu phân tích không bao gồm 61 trường hợp hiện đang là sinh viên.

Đặc điểm mẫu nghiên cứu: trong nghiên cứu này, xét theo giới tính, nam chiếm 49,3% và nữ chiếm 50,7%; Có 76,2% là người dân tộc Kinh và 23,8% là dân tộc thiểu số; về nhóm tuổi, có 26% ở nhóm tuổi 35 trở xuống, 22,8% ở nhóm từ 36-45; 13,6% ở nhóm 46-55 và 37,5% ở nhóm tuổi từ 56 trở lên; về tình trạng hôn nhân, nhóm chưa kết hôn là 17,3% và nhóm đã kết hôn 82,7% (trong đó góa/ly hôn/ly thân chiếm 9,1%); về trình độ học vấn, nhóm tiểu học (TH) trở xuống chiếm 11,6%, trung học cơ sở (THCS) chiếm 20,9%, trung học phổ thông (THPT) chiếm 25,7%, trung cấp, cao đẳng (TC, CĐ) là 15,7% và từ đại học trở lên chiếm 26,1%; xét về việc làm, nhóm làm công ăn lương chiếm 37,4%, tự làm phi nông nghiệp chiếm 31,9% và tự làm nông nghiệp chiếm 30,7%; xét theo khu vực cư trú, người sống ở đô thị chiếm 50,4% và ở nông thôn là 49,6%.

3.2. Phương pháp và công cụ nghiên cứu

Để trả lời cho câu hỏi hiện nay người dân quan niệm như thế nào về chuẩn mực quan hệ vợ chồng? Nghiên cứu sẽ phân tích ý kiến đánh giá của người dân về các chuẩn mực trong quan hệ vợ chồng như sự chung thủy, nghĩa tình, hòa thuận và bình đẳng. Các chỉ báo cụ thể như sau: (1) Vợ chồng nên sống chung thủy với nhau; (2) Vợ chồng nên trân trọng tình cảm và đóng góp của nhau; (3) Vợ chồng nên tạo dựng bầu không khí hòa thuận trong gia đình; (4) Vợ chồng nên cùng bàn bạc mọi công việc trong gia đình.

Các câu hỏi được thiết kế theo thang đo Likert 5 mức, với điểm số từ 1 đến 5, tương ứng: (1) Rất không đồng ý/Hoàn toàn không quan trọng; (2) Không đồng ý/ Không quan trọng; (3) Trung lập; (4) Đồng ý/Quan trọng; và (5) Rất đồng ý/Rất quan trọng.

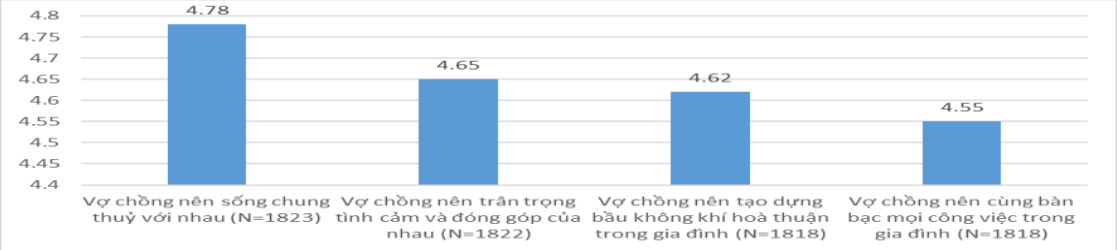
Các biến số phụ thuộc là quan niệm về chuẩn mực quan hệ vợ chồng được tính điểm trung bình. Điểm trung bình càng cao thể hiện mức độ đồng ý của người trả lời về các chuẩn mực càng lớn. Áp dụng cách tính giá trị điểm trung bình ($\overline{X}$) nằm trong khoảng: $1 \leq \overline{X} \leq 5$, với tiêu chí đánh giá như sau: nếu điểm trung bình của thang đo từ 1,0 - 1,80 là xu hướng rất không đồng ý; từ 1,81 - 2,60 là xu hướng không đồng ý; từ 2,61 - 3,40 là xu hướng tương đối đồng ý; từ 3,41 - 4,20 là xu hướng đồng ý và từ 4,21 -5,0 là xu hướng rất đồng ý.

Nghiên cứu sử dụng phần mềm IBM SPSS Statistics 20 để xử lý và phân tích dữ liệu. Phương pháp phân tích dữ liệu định lượng bao gồm: phân tích điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC), so sánh T-test và One-way Anova. Cụ thể, nghiên cứu thực hiện phân tích thống kê mô tả thông qua các chỉ tiêu như giá trị trung bình (Mean) và độ lệch chuẩn (Standard Deviation - SD) nhằm phản ánh mức độ đánh giá của người dân ở từng chuẩn mực quan hệ vợ chồng. Đồng thời, nghiên cứu sử dụng phân tích phương sai một yếu tố (One-way ANOVA) để kiểm định sự khác biệt về điểm trung bình của các biến nội dung theo các đặc điểm nhân khẩu học của người

trả lời. Đối với các biến chỉ có hai nhóm, kết quả của kiểm định ANOVA tương đương với kiểm định Independent Samples t-test về mặt ý nghĩa thống kê.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng chung quan niệm của người dân về chuẩn mực quan hệ vợ chồng



Biểu đồ 1. Điểm trung bình quan niệm của người dân về chuẩn mực quan hệ vợ chồng

Số liệu Biểu đồ 1 trình bày điểm trung bình mức độ đồng ý của người trả lời về các chuẩn mực quan hệ vợ chồng. Kết quả phân tích cho thấy giá trị điểm trung bình của cả 4 nhận định đều đạt từ 4,55 đến 4,78 điểm, đây là mức điểm nằm trong khoảng xu hướng ở mức cao nhất là "rất đồng ý". Quan niệm về sự chung thủy "Vợ chồng nên sống chung thủy với nhau giữa vợ và chồng" có sự đồng thuận cao nhất với giá trị điểm trung bình là 4,78 và ĐLC = 0,44 cho thấy mức độ phân tán ý kiến thấp phản ánh sự thống nhất tương đối cao giữa các cá nhân; tiếp đến là "Vợ chồng nên trân trọng tình cảm và đóng góp của nhau" (ĐTB = 4,65; ĐLC = 0,50); thứ ba là "Tạo dựng không khí hòa thuận trong gia đình" (ĐTB = 4,62; ĐLC = 0,55) và quan niệm về "Bình đẳng giữa vợ và chồng" có điểm trung bình thấp hơn đôi chút so với các chuẩn mực khác (ĐTB = 4,55; ĐLC = 0,57) nhưng vẫn ở mức rất cao, phản ánh rằng nhìn chung người dân đều ủng hộ giá trị bình đẳng trong hôn nhân. Với kết quả này, có thể nói rằng, đây là các chuẩn mực quan trọng duy trì sự bền vững của hôn nhân và hạnh phúc gia đình được đông đảo người dân ủng hộ.

4.2. So sánh quan niệm của người dân về chuẩn mực quan hệ vợ chồng theo đặc trưng nhân khẩu xã hội

Bảng 1 và Bảng 2 trình bày kết quả phân tích điểm trung bình về quan niệm đối với các chuẩn mực trong quan hệ vợ chồng theo một số đặc trưng nhân khẩu - xã hội của nhóm khách thể khảo sát. Kết quả so sánh cho thấy quan niệm của người dân về chuẩn mực trong quan hệ vợ chồng có sự khác biệt theo một số đặc trưng nhân khẩu - xã hội, bao gồm giới tính, dân tộc, tình trạng việc làm và khu vực sinh sống (Bảng 1, 2).

Xét theo giới tính: Kết quả cho thấy cả nam và nữ đều có mức độ đồng thuận rất cao đối với các chuẩn mực trong quan hệ vợ chồng, với điểm trung bình của tất cả các tiêu chí đều trên 4,5. Nhìn chung, kết quả phân tích cho thấy nữ giới có mức độ đồng thuận cao hơn nam giới ở cả bốn chuẩn mực, đặc biệt trong quan niệm về chuẩn mực bình đẳng "Vợ chồng nên cùng bàn bạc mọi công việc trong gia đình" nữ có điểm trung bình cao hơn nam là 4,59 so với 4,51. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê (t = -3,019; df = 1764; p = 0,003).

Xét theo dân tộc: có sự khác biệt trong mức độ đồng thuận đối với các chuẩn mực hôn nhân giữa nhóm người Kinh và nhóm dân tộc thiểu số. Ngoài trừ quan niệm về tiêu chí bình đẳng, ở cả ba chuẩn mực còn lại, người Kinh đều có điểm trung bình cao hơn người dân tộc thiểu số và sự khác biệt này đều có ý nghĩa thống kê. Đối với chuẩn mực về sự chung thủy, người trả lời là người Kinh có điểm trung bình cao hơn người ở nhóm dân tộc thiểu số là 4,80 so với 4,70 điểm. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê (t = 3,872; df = 650; p < 0,001); tương tự, điểm trung bình của chuẩn mực nghĩa tình của người Kinh là 4,67 so với 4,58 của nhóm dân tộc thiểu số và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê (t = 3,152; df = 702; p = 0,002). Đối với chuẩn mực hòa thuận, người Kinh đạt 4,65 điểm cao hơn nhóm dân tộc thiểu số là 4,54 điểm và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê (t = 3,469; df = 664; p < 0,001).

Xét theo việc làm: Kết quả phân tích cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ đồng thuận đối với ba chuẩn mực "chung thủy, nghĩa tình và hòa thuận trong quan hệ vợ chồng" giữa các nhóm việc làm. Đối với chuẩn mực chung thủy, nhóm làm công ăn lương có điểm trung bình cao nhất (4,81), tiếp đến là nhóm tự làm nông nghiệp (4,78) và tự làm phi nông nghiệp (4,73); sự khác biệt giữa các nhóm có ý nghĩa thống kê (F = 4,857; df = 2; 1759; p = 0,008). Đối với chuẩn mực "vợ chồng trân trọng tình cảm và đóng góp của nhau" có điểm trung bình lần lượt là 4,69; 4,66 và 4,63 (F = 3,798; df = 2; 1758; p = 0,023). Đối với chuẩn mực tạo dựng bầu không khí hòa thuận, điểm trung bình lần lượt là 4,66; 4,63 và 4,57, với sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm việc làm (F = 4,638; df = 2; 1753; p = 0,010).

Xét theo nhóm tuổi, mức độ đồng thuận đối với các chuẩn mực hôn nhân nhìn chung khá tương đồng giữa các thế hệ và không có ý nghĩa thống kê. Ở tất cả các nhóm tuổi, điểm trung bình của các chuẩn mực đều đạt trên 4,5 điểm. Trong đó, nhóm tuổi trẻ nhất, từ 35 tuổi trở xuống có xu hướng đánh giá cao hơn đối với chuẩn mực nghĩa tình (4,70 điểm) và hòa thuận gia đình (4,66 điểm) so với các nhóm tuổi còn lại. Ngược lại, nhóm tuổi cao nhất, từ 56 tuổi trở lên lại có điểm trung bình cao nhất đối với chuẩn mực chung thủy (4,80 điểm).

Xét theo tình trạng hôn nhân và học vấn của người trả lời cũng cho thấy mức độ đồng thuận đối với các chuẩn mực trong quan hệ vợ chồng khá tương đồng và không có khác biệt giữa nhóm chưa kết hôn và đã kết hôn; và giữa các nhóm học vấn.

Cuối cùng là so sánh theo khu vực cư trú: kết quả phân tích cho thấy không có sự khác biệt về mức độ đồng thuận đối với các chuẩn mực hôn nhân giữa người sống ở đô thị và nông thôn ở các chuẩn mực nghĩa tình, hòa thuận và bình đẳng trong hôn nhân; tuy nhiên, kết quả lại cho thấy có sự khác biệt trong quan niệm về sự chung thủy, người dân ở khu vực nông thôn có điểm trung bình cao hơn so với những người đang sống khu vực đô thị (4,81 so 4,75) và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ở mức và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê (t = -2,877; df = 1817; p = 0,004).

Bảng 1. So sánh quan niệm của người dân về chuẩn mực "chung thủy" và "nghĩa tình" trong mối quan hệ vợ chồng giữa các nhóm khách thể khảo sát

Các biến số	**Vợ chồng nên sống chung thủy với nhau**					**Vợ chồng nên trân trọng tình cảm và đóng góp của nhau**				
	ĐTB	**ĐLC**	Chỉ số kiểm định **(t/F)**	**Bậc tự do (df)**	**Giá trị p**	**ĐTB**	**ĐLC**	Chỉ số kiểm định **(t/F)**	**Bậc tự do (df)**	**Giá trị p**
Giới tính			t = -1,155	1815	0,248			t = -1,651	1803	0,099
Nam	4,77	0,44				4,63	0,52			
Nữ	4,79	0,43				4,67	0,48			
Dân tộc			t = 3,872	650	< 0,001			t = 3,152	702	0,002
Kinh	4,80	0,42				4,67	0,49			
Dân tộc thiểu số	4,70	0,49				4,58	0,51			
Nhóm tuổi			F = 1,427	3; 1819	0,233			F = 2,469	3; 1818	0,060
35 trở xuống	4,79	0,43				4,70	0,48			
36 - 45	4,74	0,46				4,62	0,52			
46 - 55	4,77	0,44				4,62	0,51			
56 trở lên	4,80	0,43				4,65	0,50			
Tình trạng hôn nhân			t = 0,729	1821	0,466			t = 0,518	1820	0,604
Chưa kết hôn	4,79	0,42				4,66	0,50			
Đã kết hôn	4,77	0,44				4,65	0,50			
Trình độ học vấn			F =	4;	0,595			F =	4; 1817	0,130

TH trở xuống	4,77	0,43	0,695	1818		4,62	0,52	1,783		
THCS	4,76	0,48				4,62	0,52			
THPT	4,76	0,44				4,65	0,49			
TC, CĐ	4,78	0,44				4,64	0,50			
ĐH trở lên	4,81	0,40				4,70	0,48			
Việc làm										
Làm công ăn lương	4,81	0,40	F = 4,857	2; 1759	0,008	4,69	0,49	F = 3,798	2; 1758	0,023
Tự làm phi nông nghiệp	4,73	0,46				4,63	0,51			
Tự làm nông nghiệp	4,78	0,45				4,66	0,51			
Khu vực cư trú										
Đô thị	4,75	0,45	t = -2,877	1817	0,004	4,66	0,49	t = 1,150	1816	0,250
Nông thôn	4,81	0,42				4,64	0,51			

Bảng 2. So sánh quan niệm của người dân về chuẩn mực "hòa thuận" và "bình đẳng" trong mối quan hệ vợ chồng giữa các nhóm khách thể khảo sát

Các biến số	**Vợ chồng nên tạo dựng bầu không khí hòa thuận trong gia đình**					**Vợ chồng nên cùng bàn bạc mọi công việc trong gia đình**				
	ĐTB	**ĐLC**	Chỉ số kiểm định **(t/F)**	**Bậc tự do (df)**	**Giá trị p**	**ĐTB**	**ĐLC**	Chỉ số kiểm định **(t/F)**	**Bậc tự do (df)**	**Giá trị p**
Giới tính			t = -1,552	1774	0,121			t = -3,019	1763	0,003
Nam	4,60	0,59				4,51	0,61			
Nữ	4,64	0,52				4,59	0,53			
Dân tộc			t = 3,469	664	<0,001			t = 0,876	1816	0,381
Kinh	4,65	0,53				4,55	0,57			
Dân tộc thiểu số	4,54	0,60				4,53	0,58			
Nhóm tuổi			1,012	3; 1814	0,386			1,485	3; 1814	0,217
35 trở xuống	4,66	0,54				4,55	0,62			
36 - 45	4,59	0,56				4,50	0,58			
46 - 55	4,61	0,55				4,55	0,55			
56 trở lên	4,62	0,56				4,57	0,55			
Tình trạng hôn nhân			t = 0,901	1816	0,368			t = -1,544	1816	0,123
Chưa kết hôn	4,65	0,56				4,50	0,61			
Đã kết hôn	4,62	0,55				4,56	0,57			
Trình độ học vấn			2,242	4; 1813	0,062			0,421	4; 1813	0,794
TH trở xuống	4,58	0,62				4,55	0,56			
THCS	4,61	0,56				4,53	0,58			
THPT	4,60	0,58				4,54	0,58			
TC, CĐ	4,61	0,52				4,58	0,54			
ĐH trở lên	4,69	0,50				4,55	0,59			
Việc làm			4,638	2; 1753	0,010			0,440	2; 1753	0,644
Làm công ăn lương	4,66	0,52				4,55	0,60			
Tự làm phi nông nghiệp	4,63	0,52				4,56	0,56			
Tự làm nông nghiệp	4,57	0,61				4,53	0,57			
Khu vực cư trú			t =	1782	0,432			t =	1816	0,700

Đô thị	4,63	0,52	0,786			4,54	0,58	-0,386		
Nông thôn	4,61	0,58				4,55	0,56			

5. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy ngày nay trong quan hệ vợ chồng người dân đánh giá rất cao các chuẩn mực về sự chung thủy, nghĩa tình, hòa thuận và bình đẳng. Điều này cho thấy các chuẩn mực này được xem là những giá trị cốt lõi góp phần duy trì sự bền vững của hôn nhân và hạnh phúc gia đình, đồng thời nhận được sự đồng thuận rộng rãi trong xã hội. Nhìn chung, kết quả nghiên cứu có sự tương đồng với các nghiên cứu trước đây của Trần Thị Vân Nương (2014), Bùi Thị Hồng (2018), Nguyễn Hữu Minh (2020), Trần Thị Hồng và Phạm Thị Thanh Hương (2022) cùng nhiều nghiên cứu khác. Các nghiên cứu này đều cho thấy, bên cạnh việc tiếp tục đề cao các giá trị truyền thống trong quan hệ vợ chồng như chung thủy, nghĩa tình và hòa thuận, thì các chuẩn mực mang tính hiện đại, tiêu biểu là bình đẳng giữa vợ và chồng cũng được người dân đánh giá cao. Điều này phản ánh sự đan xen giữa các giá trị truyền thống và hiện đại trong quan niệm của người dân, đồng thời khẳng định vai trò quan trọng của các chuẩn mực này trong việc định hướng quan hệ vợ chồng ở Việt Nam hiện nay.

Một số khác biệt đáng chú ý trong quan niệm của người dân về chuẩn mực trong quan hệ vợ chồng theo nhóm xã hội có thể giải thích như sau:

Việc nữ giới có xu hướng đồng thuận cao hơn nam giới ở tất cả các chuẩn mực, đặc biệt ở khía cạnh bình đẳng, phản ánh khả năng nữ giới nhạy cảm hơn với giá trị bình đẳng và sự chia sẻ trách nhiệm trong đời sống hôn nhân. Bởi trước hết, phụ nữ thường là nhóm chịu ảnh hưởng trực tiếp hơn của các chuẩn mực liên quan đến chăm sóc gia đình, nuôi dạy con cái và duy trì đời sống hôn nhân. Họ cũng là người đảm nhận phần lớn công việc gia đình không được trả công. Chính trải nghiệm này khiến nữ giới có xu hướng quan tâm nhiều hơn đến việc phân chia vai trò công bằng và chia sẻ trách nhiệm trong gia đình. Thứ hai, từ góc độ vị thế trong gia đình, phụ nữ vẫn thường ở vị trí bất lợi hơn nam giới về quyền lực và quyền ra quyết định. Do đó, với phụ nữ, sự bình đẳng, cùng bàn bạc và chia sẻ trách nhiệm là giá trị rất có ý nghĩa, vì đây là những yếu tố giúp cải thiện vị thế và tăng tiếng nói của nữ giới trong đời sống hôn nhân. Thứ ba, xét theo trải nghiệm đời sống hôn nhân, phụ nữ thường là người gánh vác đồng thời cả vai trò lao động sản xuất và tái sản xuất. Sự "quá tải vai trò" này khiến họ có xu hướng ủng hộ mạnh mẽ chuẩn mực liên quan đến chia sẻ trách nhiệm và bình đẳng trong gia đình. Cuối cùng, dưới tác động của quá trình hiện đại hóa và bình đẳng giới trong giáo dục, phụ nữ ngày càng đạt trình độ học vấn cao hơn và tham gia nhiều hơn vào thị trường lao động. Điều này góp phần nâng cao nhận thức về quyền bình đẳng giới và thúc đẩy họ đề cao hơn các giá trị trách nhiệm, chia sẻ, dân chủ trong quan hệ vợ chồng. Tóm lại, sự ủng hộ của nữ giới đối với bình đẳng và chia sẻ có thể không chỉ là lẽ tự nhiên mà còn được hình thành từ sự kết hợp giữa trải nghiệm sống, bình đẳng giới và sự phát triển kinh tế, xã hội đã đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ trong gia đình và xã hội.

Những khác biệt theo dân tộc của người trả lời có thể nhìn nhận từ khía cạnh đa dạng về giá trị văn hóa gắn với phong tục, tập quán và luật tục của từng cộng đồng dân tộc. Theo Đặng Thị Hoa (2016) những phong tục tập quán về hôn nhân và gia đình của các dân tộc thiểu số thường được ghi nhận cả ở góc độ tích cực vốn được thể hiện những bản sắc tốt đẹp trong văn hoá tộc người và cả những hạn chế của nó trong bối cảnh xã hội đang có nhiều thay đổi và phát triển. Trong nghiên cứu này, người trả lời thuộc nhóm dân tộc thiểu số đến từ nhiều dân tộc khác nhau như Thái, Mường, Tày, H'Mông, Chăm, M'nông, Ê Đê, Khơ Me, Nùng và một số dân tộc khác. Ở nhiều dân tộc thiểu số, hôn nhân không chỉ là quan hệ giữa hai cá nhân mà còn liên quan đến gia đình, dòng họ và cộng đồng, các chuẩn mực trong quan hệ vợ chồng cũng mang những đặc trưng văn hóa riêng. Vì vậy, lý giải sự khác biệt trong quan niệm về chuẩn mực hôn nhân theo yếu tố dân tộc cần thêm các nghiên cứu chuyên sâu để phản ánh đầy đủ đặc trưng về hôn nhân và gia đình của từng dân tộc.

Sự khác biệt giữa các nhóm tuổi không lớn và tương đối đồng đều cho thấy các chuẩn mực về chung thủy, nghĩa tình, hòa thuận và bình đẳng đã được chấp nhận rộng rãi ở mọi thế hệ. Mặc dù mỗi nhóm tuổi có những trải nghiệm sống và ở hoàn cảnh xã hội khác nhau, các giá trị

nền tảng như sự chung thủy, nghĩa tình, hòa thuận và bình đẳng vẫn được nhìn nhận là những chuẩn mực quan trọng trong đời sống hôn nhân. Điều này phản ánh tính liên tục, bền vững và sự tiếp nối của các giá trị hôn nhân truyền thống trong bối cảnh xã hội Việt Nam đương đại. Việc không có sự khác biệt đáng kể về quan niệm giữa các nhóm tuổi cho thấy các chuẩn mực hôn nhân đã trở thành những giá trị mang tính phổ quát và được chấp nhận rộng rãi trong cộng đồng. Thông qua quá trình xã hội hóa, các giá trị này được truyền tải và duy trì qua nhiều thế hệ, tạo nên sự tương đồng trong nhận thức giữa người trẻ và người lớn tuổi. Bên cạnh đó, các chuẩn mực như chung thủy, nghĩa tình, hòa thuận và bình đẳng đều là những giá trị tích cực được xã hội đề cao. Vì vậy, người thuộc các nhóm tuổi khác nhau đều có xu hướng đánh giá cao những chuẩn mực này và sự khác biệt giữa các nhóm không rõ rệt.

Xét theo tình trạng hôn nhân của người trả lời cho thấy quan niệm về các chuẩn mực trong quan hệ vợ chồng nhận được sự đồng thuận tương đối thống nhất của người dân, không phụ thuộc vào việc cá nhân chưa hay đã trải qua đời sống hôn nhân. Điều đó cho thấy các chuẩn mực như chung thủy, nghĩa tình, hòa thuận và bình đẳng là những giá trị được xã hội thừa nhận rộng rãi, do đó, nhận thức về các giá trị này không chỉ được hình thành và củng cố từ trải nghiệm hôn nhân thực tế mà ngay cả khi cá nhân chưa kết hôn họ cũng được tiếp thu, định hình từ cuộc sống thông qua quá trình giáo dục, xã hội hóa. Những người chưa kết hôn có thể tiếp nhận các quan niệm, kỳ vọng và chuẩn mực liên quan đến hôn nhân thông qua gia đình, bạn bè, mạng xã hội và các phương tiện truyền thông, v.v. Vì vậy, họ có chung quan niệm tương tự với những người đã kết hôn về các giá trị cốt lõi có tính gắn kết và duy trì đời sống hôn nhân.

Kết quả phân tích theo nhóm học vấn cho thấy sự khác biệt không đáng kể giữa các nhóm trình độ học vấn, tuy nhiên kết quả phân tích cũng cho thấy xu hướng ở nhóm học vấn cao nhất là từ đại học trở lên ở hầu hết các chỉ báo, cho thấy học vấn là yếu tố có thể làm tăng mức độ tiếp nhận các giá trị về nghĩa tình, bình đẳng và chia sẻ trong hôn nhân.

Những khác biệt về sự đồng thuận đối với các chuẩn mực hôn nhân giữa các nhóm theo việc làm thể hiện chủ yếu giữa nhóm làm công ăn lương với hai nhóm tự làm phi nông nghiệp và nhóm nông nghiệp; quan niệm về các chuẩn mực trong quan hệ hôn nhân ở nhóm làm công ăn lương có điểm trung bình cao hơn ở hầu hết các chuẩn mực so với các nhóm việc làm còn lại. Xu hướng này có thể được lý giải bởi đặc điểm của nhóm làm công ăn lương, vốn thường là những người có học vấn cao, thường làm việc trong môi trường lao động chính thức, nơi có điều kiện thuận lợi để tiếp cận thông tin, giáo dục và các hoạt động truyền thông về chính sách. Điều này có thể góp phần nâng cao nhận thức của họ về các vấn đề hôn nhân và gia đình, giúp họ dễ dàng tiếp nhận các quan niệm hôn nhân hiện đại, trong đó nhấn mạnh sự chia sẻ trách nhiệm và bình đẳng giới trong gia đình, trong khi vẫn đề cao các chuẩn mực truyền thống như chung thủy, nghĩa tình, hòa thuận.

Quan niệm về sự chung thủy được người dân sống ở nông thôn ủng hộ cao hơn ở khu vực đô thị phản ánh sự khác biệt của mức độ hiện đại hóa, điều kiện sống. Việc người dân nông thôn ủng hộ chuẩn mực chung thủy cao hơn khu vực đô thị có thể lý giải từ khía cạnh xã hội - văn hóa. Trước hết, về chuẩn mực văn hóa truyền thống, khu vực nông thôn thường duy trì mạnh hơn các giá trị hôn nhân truyền thống, trong đó chung thủy là một nguyên tắc đạo đức quan trọng gắn với danh dự gia đình, dòng họ và sự bền vững của hôn nhân. Thứ hai, xét về mức độ đô thị hóa và lối sống xã hội, người dân đô thị có mức độ tiếp xúc quan hệ xã hội đa dạng hơn, có sự tự do cá nhân mạnh hơn, mức độ tiếp cận thông tin rộng dẫn đến việc nhìn nhận và hình thành quan điểm đa chiều và cởi mở hơn về quan hệ vợ chồng.

6. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy chuẩn mực quan hệ vợ chồng đều nhận được mức độ đồng thuận xã hội cao, trong đó cao nhất là chuẩn mực "sống chung thủy" tiếp đến là chuẩn mực nghĩa tình, hòa thuận và bình đẳng. Kết quả nghiên cứu góp phần khẳng định các giá trị hôn nhân truyền thống vẫn được người dân ủng hộ mạnh mẽ, đồng thời cho thấy sự đề cao ngày càng rõ nét giá trị bình đẳng - một giá trị của xã hội hiện đại - giữa vợ và chồng trong xã hội đương đại. Điều này

vừa phản ánh tính ổn định, phổ quát của các chuẩn mực hôn nhân truyền thống đồng thời thể hiện sự tiếp nhận các giá trị hôn nhân hiện đại của người dân hiện nay.

Mặc dù người dân có mức độ đồng thuận cao về các chuẩn mực quan hệ vợ chồng nhưng quan niệm này cũng có sự khác biệt giữa các nhóm xã hội ở một số chuẩn mực, giá trị theo giới tính, dân tộc, nhóm tuổi, học vấn, việc làm và khu vực cư trú phản ánh sự đa dạng về trải nghiệm xã hội, điều kiện sống, mức độ tiếp cận các giá trị hôn nhân hiện đại. Có thể nhận thấy rằng, bên cạnh sự tồn tại song song giữa tính ổn định của các giá trị hôn nhân truyền thống và sự gia tăng của các chuẩn mực, giá trị hiện đại, các quan niệm về hôn nhân đương đại đang vận động theo hướng vừa kế thừa vừa thích ứng với bối cảnh xã hội mới. Các chuẩn mực này không chỉ phù hợp với văn hóa và pháp luật về hôn nhân và gia đình ở Việt Nam, mà còn góp phần định hướng thái độ và hành vi trong giao tiếp, ứng xử giữa vợ và chồng, từ đó tăng tính gắn kết và sự bền vững trong hôn nhân trong bối cảnh hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Thị Hoa (2016). Một số đặc điểm trong hôn nhân và gia đình các dân tộc thiểu số vùng biên giới. *Tạp chí Văn hóa dân gian, số 2*.

2. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa (2022). Xu hướng lựa chọn giá trị về cuộc sống và gia đình của thanh niên hiện nay. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới, số 2*.

3. Bùi Thị Hồng (2018). Về mối quan hệ vợ chồng trong gia đình Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội, số 5*.

4. Trần Thị Hồng, Phạm Thị Thanh Hương (2022). Định hướng của phụ nữ Hà Nội về các giá trị gia đình hiện nay. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới, 3*(Q32).

5. Nguyễn Hồng Mai (2019). Quan niệm về giá trị của hôn nhân trong giới trẻ ở đô thị hiện nay. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới, 1*(Q29).

6. Nguyễn Hữu Minh (2020). *Gia đình Việt Nam trong bối cảnh biến đổi xã hội*. Nxb. Khoa học Xã hội.

7. Nguyễn Hữu Minh (Chủ biên, 2021). *Kết hôn và trải nghiệm hôn nhân ở Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội (Sách chuyên khảo).

8. Marshall, G. (1998). Từ điển Xã hội học Oxford. Nhóm dịch giả Bùi Thế Cường, Đặng Thị Việt Phương, Trịnh Huy Hóa. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2010.

9. Trần Thị Vân Nương (2014). Chuẩn mực hôn nhân: những quan niệm khác biệt. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới, 4*(Q24).

10. Quốc hội (2014). Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 năm 2014.

11. Trần Thị Minh Thi (2020). Những biến đổi của gia đình Việt Nam hiện nay và một số khuyến nghị chính sách. *Tạp chí Cộng sản*. https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/ van_hoa_xa_hoi/-/2018/816737/nhung-bien-doi-cua-gia-dinh-viet-nam-hien-nay-va-mot-so-khuyen-nghi-chinh-sach.aspx

12. Trần Thị Anh Thư (2010). Quan niệm và thái độ của vợ chồng trẻ về bình đẳng giới trong gia đình. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới, 5*(Q20).

13. Nguyễn Thị Thanh Thủy, Đinh Thị Nguyệt (2021). Giá trị hôn nhân, gia đình - Góc nhìn của thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới, số 2*.